

1

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Vắng mặt.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của CT UBND tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định: Ông Phan Cao Th, chức vụ: Phó CT UBND tỉnh Bình Định (theo văn bản ủy quyền số 14/GUQ-UBND ngày 30/5/2019). Có Công văn số 759/UBND-TD ngày 13/02/2020 xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Tôn Nữ Hạnh Th1 - Sinh năm: 1966; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Tôn Thất Hoài B - Sinh năm: 1969; Có mặt.

Đồng trú tại: Tổ 11, phường H2, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3. Bà Tôn Nữ Uyên Th2 - Sinh năm: 1971; Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 38, phường H2, quận C, thành phố Đà Nẵng.

4. Bà Tôn Nữ Trinh Th3 - Sinh năm: 1972; Vắng mặt.

5. Ông Tôn Thất Gia B2 - Sinh năm: 1974; Vắng mặt.

Đồng trú tại: số 3/21A, khu phố 1, phường T1, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Hồ Trọng N - Sinh năm: 1972; Vắng mặt.

7. Bà Hồ Thu Th4 - Sinh năm: 1975; Vắng mặt.

8. Ông Hồ Ngọc C1 - Sinh năm: 1969; Vắng mặt.

Đồng trú tại: số 11A/6, ấp 7, xã P, huyện B3, thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Nguyễn Thị Diệu T2, Sinh năm: 1969; Vắng mặt.

Trú tại: số nhà 113, ngõ 409 đường K, phường N1, quận B4, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Diệu T2 ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Th5.

10. Ông Nguyễn Hữu H1 - Sinh năm: 1972; Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn H2 - Sinh năm: 1974; Vắng mặt.

Đồng trú tại: số nhà 115, ngõ 409 đường K, phường N1, quận B4, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn H2 ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Th5.

12. Bà Vũ Thị Diệu L; Vắng mặt.

Trú tại: số 109 tập thể TV, phường T3, quận Đ, thành phố Hà Nội.

13. Bà Nguyễn Thúy L1 - Sinh năm: 1965; Có mặt.

Trú tại: số 472/2 đường T4, phường H2, quận C, thành phố Đà Nẵng.

14. Ông Nguyễn Hữu Th5 - Sinh năm: 1972; Có mặt.
Trú tại: số 474 đường T4, quận C, thành phố Đà Nẵng.
15. Bà Nguyễn Thị Diệu H3 - Sinh năm: 1974; Có mặt.
Trú tại: số K347/3 đường C2, quận C, thành phố Đà Nẵng.
16. Ông Nguyễn Minh H4 - Sinh năm: 1969; Vắng mặt.
Trú tại: 82 tổ 24, phường M, quận H5, thành phố Hà Nội.
17. Bà Nguyễn Thị Minh Y - Sinh năm: 1960; Vắng mặt.
Trú tại: số 7B2, phường M, quận H5, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người khởi kiện trình bày:***

Nhà và đất tại địa chỉ số 196 đường T, thị xã Q, tỉnh Nghĩa Bình (viết tắt là nhà số 196) nay là nhà số 198 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (viết tắt là nhà số 198) có nguồn gốc ban đầu là tài sản của ông Lâm Hồng D1 (Chủ Hiệu buôn CH) và bà Huỳnh Tuyết L2; ông D1, bà L2 có giấy mua bán đứt đất tư theo trích lục địa bộ tạm của Ty điền địa tỉnh Bình Định (chế độ cũ) cấp ngày 11/02/1969 và giấy phép xây dựng số 13 do Tỉnh trưởng tỉnh Bình Định, (chế độ cũ) cấp ngày 30/01/1970. Từ năm 1969-1975, vợ chồng ông D1 và bà L2 quản lý, sử dụng ổn định, không ai tranh chấp, khiếu nại đối với nhà số 196; có đăng ký, nộp thuế thổ trạch từ năm 1974-1975 và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng thị xã Q đồng ý, ký xác nhận ngày 16/10/1975 vào đơn xin mở cửa hàng, cho phép ông D1 được mở cửa hiệu kinh doanh trở lại.

Tháng 8/1975, cha bà Đ là cụ Nguyễn H6 và ông D1 có thỏa thuận và thống nhất là cụ Nguyễn H6 mua đứt đất và nhà số 196. Ngày 15/10/1975, cụ Nguyễn H6 có đơn xin nhập hộ khẩu thay cho đơn xin mua nhà đã được Ủy ban nhân dân cách mạng thị xã Q đồng ý và xác nhận ngày 28/11/1975. Ngày 27/11/1975, ông D1 có đơn xin bán nhà, viết giấy ủy quyền cho cụ Nguyễn H6 được trọn quyền sử dụng đất, quản lý căn nhà nói trên và được Ban thường trực Ủy ban mặt trận thị xã Q xác nhận ngày 27/11/1975. Đồng thời, ông D1 và bà L2 đã ký giấy bán đứt đất và ngôi nhà số 196 cho bà Đ và cụ Nguyễn H6; diện tích đất là 312m², loại đất làm nhà: làm nhà ngôi nhà cấp 3 ba tầng, diện tích xây dựng: 312m², diện tích sử dụng: 473m², mái bằng bê tông cốt thép với số tiền là 6.000.000 đồng. Ông D1 và bà Đ đã gửi toàn bộ hồ sơ mua bán nhà và đất cho Ủy ban nhân dân cách mạng phường T5, thị xã Q, tỉnh Nghĩa Bình và đã được Ủy ban nhân dân cách mạng, phường T5 đồng ý và ký xác nhận ngày 01/12/1975 trên tờ hộ khẩu thường trú. Ngày

11/5/1976, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Nghĩa Bình có giấy xác nhận cho cụ Nguyễn H6 được phép nhập hộ khẩu tại nhà số 196. Ngày 10/5/1976, cụ Nguyễn H6 có tờ khai và nộp thuế thổ trạch năm 1976 theo Biên lai số 011180 ngày 27/7/1976; còn bà Đ thì có giấy phép đăng ký hành nghề và thẻ môn bài kinh doanh tại nhà số 196.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định nhà số 196 không phải nhà vắng chủ; cụ Nguyễn H6 và bà Đ là người mua đất và nhà ở hợp pháp.

Ngày 27/9/1976, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định) ban hành Quyết định số 519/UB/QĐ về việc xử lý nhà cửa, tài sản hàng hóa của Lâm Hồng D1 (hiệu buôn CH) số nhà 196 đường T, thị xã Q (viết tắt là QĐ 519); quyết định nói trên có nội dung ra lệnh quản lý toàn bộ nhà số 196 theo diện nhà vắng chủ do người thừa kế quản lý không hợp pháp. Ngày 15/11/1976, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định) ban hành Quyết định số 748/UB/QĐ (viết tắt là QĐ 748) cho phép cụ Nguyễn H6 được di chuyển ra khỏi nhà số 196 một số vật dụng gia đình gồm 35 thứ (có danh sách kèm theo) do cụ khai báo với ban kiểm kê tài sản của thị xã ngày 04/10/1976 và giấy cam đoan ngày 29/10/1976; đối với 26 mặt hàng (có danh sách kèm theo) cụ Nguyễn H6 đã khai với ban kiểm kê tài sản của thị xã ngày 04/10/1976 và giấy cam đoan ngày 29/10/1976 do ông mua của ông Lâm Hồng D1 ngày 01/8/1975 nhà nước tạm thời quản lý, sẽ giải quyết cụ thể sau.

Các quyết định nói trên không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cụ Nguyễn H6 và bà Nguyễn Thị Đ; do đó, gia đình bà Đ đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu xem xét đối với trường hợp của gia đình bà. Thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại Thông báo số 118/TB- VPCP ngày 23/3/2018 của Văn phòng Chính phủ, ngày 08/5/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND (viết tắt là QĐ 1499) về việc hỗ trợ giá trị tài sản 26 mặt hàng cho bà Đ với tổng số tiền là 67.990.000 đồng và hiện nay, bà Đ đã nhận số tiền nói trên. Việc Văn phòng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định) không xem xét quyền lợi của bà Đ đối với nhà số 196 là không phù hợp với quy định về đất đai, không đảm bảo quyền lợi chính đáng của người có thửa đất bị thu hồi.

Từ những căn cứ nói trên, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy QĐ 519, QĐ 748, QĐ 1499 và xem xét hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND tỉnh Bình Định) trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà mà

không thực hiện đúng chính sách của nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

**** Người đại diện của người bị kiện trình bày:***

Nhà số 196 nguyên trước đây là của vợ chồng ông Lâm Hồng D1 và bà Huỳnh Tuyết L2 (Chủ Hiệu buôn CH) tạo lập từ năm 1970. Sau năm 1975, gia đình ông D1 chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ngôi nhà nói trên do cụ Nguyễn H6 và con gái là bà Nguyễn Thị Đ sử dụng. Theo yêu cầu, cụ Nguyễn H6 có cung cấp một số giấy tờ mua bán ngôi nhà (chưa được cấp có thẩm quyền ký xác nhận) và giấy ủy quyền của ông D1 ủy quyền cho cụ Nguyễn H6 sử dụng và quản lý ngôi nhà.

Xét các giấy tờ do cụ Nguyễn H6 cung cấp đều không hợp pháp nên Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là UBND tỉnh Bình Định) đã ban hành QĐ 519 quản lý toàn bộ nhà số 196 theo diện nhà vắng chủ do người thừa kế quản lý không hợp pháp; giao Ủy ban nhân dân thị xã Q thành lập hội đồng kiểm kê toàn bộ tài sản gồm: Động sản, vật tư hàng hóa trong nhà và tại điểm b Điều 2 QĐ 519 đã nêu rõ: “Những tài sản động sản và vật tư hàng hóa tự khai là do ông H6, bà Đ mua nhưng không có chứng từ, hóa đơn hợp lệ đều là của ông Lâm Hồng D1 (hiệu buôn CH) kiểm kê toàn bộ, lập biên bản và tập trung lại một chỗ trong nhà, niêm phong giao cho cơ quan tài chính quản lý, chờ quyết định xử lý sau.

Qua kiểm kê của hội đồng kiểm kê tài sản của Ủy ban nhân dân thị xã Q, ngày 15/11/1976, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đã ban hành Quyết định số 747/QĐ/UB (viết tắt là QĐ 747) về việc di chuyển gia đình cụ Nguyễn H6 sang ở nhà số 255 đường T, thành phố Q (Hiệu vàng Đồng Phú đã giao cho Phòng Quản lý nhà đất quản lý) và QĐ 748 về việc cho phép cụ Nguyễn H6 được di chuyển một số vật dụng gia đình ở nhà số 196 sang nhà số 255 đường T (gồm 35 thứ, có danh sách kèm theo), đối với 26 mặt hàng (có danh sách kèm theo) cụ Nguyễn H6 đã khai với ban kiểm kê tài sản của Thị xã ngày 04/10/1976 và giấy cam đoan ngày 29/10/1976 do ông mua của ông Lâm Hồng D1 vào ngày 01/8/1975 nhà nước tạm thời quản lý, sẽ giải quyết cụ thể sau.

Năm 1997, ông Nguyễn L3 (con của cụ Nguyễn H6 và anh ruột của bà Đ) có

đơn xin lại nhà số 196 và trả lại tài sản tạm giữ khi di chuyển nhà. Ngày 06/8/1997, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-UB (viết tắt là QĐ 2080) có nội dung là không chấp nhận đơn khiếu nại của ông L3 xin lại nhà số 196 do nhà nước quản lý theo quy định tại QĐ 519; ngôi nhà nói trên được thông kê thuộc sở hữu nhà nước kể từ ngày 01/7/1991 theo quy định của Quyết định số 297/CT ngày 02/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ).

Không đồng ý với quyết định nói trên, ông L3 khiếu nại đến Bộ xây dựng; ngày 13/5/1998, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 248/QĐ-BXD (viết tắt là QĐ 248) có nội dung là công nhận QĐ 2080 và chấm dứt việc giải quyết khiếu nại của ông L3 đòi quyền sở hữu nhà số 196. Không đồng ý với QĐ 2080 và QĐ 248, ông L3 tiếp tục khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ. Ngày 11/4/2001, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1496/VPCP-V.II thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Xây dựng kiểm tra lại nội dung khiếu nại của gia đình ông L3, trên cơ sở đó kết luận và kiến nghị biện pháp giải quyết cụ thể, phù hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 16/11/2001, Bộ Xây dựng có Văn bản số 2054/BXD- TTrXD báo cáo Thủ tướng Chính phủ với nội dung là các quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ Xây dựng và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là có cơ sở pháp luật; đồng thời, kiến nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho bà Đ đối với ngôi nhà số 255 đường T, thành phố Q (là nhà trước đây nhà nước đã bố trí cho gia đình bà Đ) để ổn định cuộc sống.

Ngày 19/12/2001, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 6206/VPCP-V.II thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, theo đó đồng ý với Văn bản số 2054/BXD-TTrXD ngày 16/11/2001 của Bộ Xây dựng và chỉ đạo Bộ Xây dựng có trách nhiệm sửa đổi QĐ 248.

Ngày 07/01/2002, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 21/QĐ-BXD (viết tắt là QĐ 21) sửa đổi, bổ sung QĐ 248; nội dung QĐ 21 như sau: Công nhận QĐ 2080 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn L3 và UBND tỉnh Bình Định cấp cho bà Đ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở đối với ngôi nhà số 255 đường T theo quy định hiện hành.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và QĐ 21, ngày 24/01/2002, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 284/QĐ-UB công nhận quyền sở hữu của bà Đ đối với ngôi nhà số 255 đường T.

Sau đó, bà Đ tiếp tục có đơn xin trả lại nhà số 196 hoặc xin bồi thường phần

giá trị chênh lệch giữa 02 ngôi nhà số 196 và 255 đường T và số tài sản nhà nước tạm quản lý. UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Văn bản số 3818/UBND-TD ngày 03/9/2014 giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Q, các cơ quan liên quan kiểm tra, làm rõ và xác định giá trị số tài sản của gia đình bà Đ do nhà nước quản lý khi bà di dời qua nhà số 255 đường T.

Trên cơ sở báo cáo của Sở Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền, ngày 14/11/2014, UBND tỉnh Bình Định có Văn bản số 5103/UBND-TD báo cáo kết quả giải quyết đơn của bà Đ gửi Thủ tướng Chính phủ. Ngày 02/7/2015, UBND tỉnh Bình Định có Văn bản số 3079/UBND-TD về việc khiếu nại của bà Đ gửi Bộ Tài chính và Văn bản số 3077/UBND-TD về việc trả lại đơn của bà Đ.

Ngày 23/3/2018, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 118/TB-VPCP thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại cuộc họp giải quyết khiếu nại của bà Đ với nội dung: “UBND tỉnh Bình Định xem xét, có biện pháp hỗ trợ cho bà Đ giá trị tài sản mà Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình quản lý theo QĐ 748 để giải quyết dứt điểm vụ việc khiếu nại, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả trước ngày 01/5/2018”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại văn bản nói trên, ngày 04/4/2018, UBND tỉnh Bình Định có Văn bản số 1621/UBND-TD giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND thành phố Q và các cơ quan chức năng liên quan tổ chức làm việc với bà Đ, thống nhất mức hỗ trợ về giá trị tài sản (gồm 26 mặt hàng) nhà nước quản lý theo QĐ 748.

Qua kết quả cuộc họp liên ngành với bà Đ và trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính tại Văn bản số 885/STC-QLGCS ngày 19/4/2018, ngày 08/5/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã ban hành QĐ 1499 về việc hỗ trợ giá trị tài sản 26 mặt hàng cho bà Đ với tổng số tiền là 67.990.000 đồng. Hiện nay, Sở Tài chính đã thực hiện việc chi trả số tiền hỗ trợ nói trên cho bà Đ theo Phiếu chi số C0067 ngày 09/5/2018.

Từ những căn cứ nói trên, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy QĐ 519, QĐ 748, QĐ 1499 và xem xét hành vi hành chính của UBND tỉnh Bình Định trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà mà không thực hiện đúng chính sách của nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định vì không có cơ sở.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tôn Nữ Hạnh Th1,

ông Tôn Thất Hoài B, bà Tôn Nữ Uyên Th2, bà Tôn Nữ Trinh Thảo, ông Tôn Thất Gia B2, ông Hồ Trọng N, bà Hồ Thu Th4, ông Hồ Ngọc C1, bà Nguyễn Thị Diệu T2, ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn H2, bà Vũ Thị Diệu L, bà Nguyễn Thúy L1, ông Nguyễn Hữu Th5, bà Nguyễn Thị Diệu H3, ông Nguyễn Minh H4, bà Nguyễn Thị Minh Y thống nhất trình bày: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên thống nhất như trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ; ngoài ra, không ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 519/UB/QĐ ngày 27/9/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định); Quyết định số 748/UB/QĐ ngày 15/11/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định); Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và xem xét hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà mà không thực hiện đúng chính sách của nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người bị kiện không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu hủy các Quyết định số 519/UB/QĐ ngày 27/9/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định); Quyết định số 748/UB/QĐ ngày 15/11/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định); Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và xem xét hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà mà không thực hiện đúng chính sách của nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thì thấy:

[1.1]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 519/UB/QĐ ngày 27/9/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định); Quyết định số 748/UB/QĐ ngày 15/11/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định) trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà Đ mà không thực hiện đúng chính sách của nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật:

Quyết định số 519/UB/QĐ ngày 27/9/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là UBND tỉnh Bình Định) về việc xử lý nhà cửa, tài sản hàng hóa của ông Lâm Hồng D1 (hiệu buôn CH) số nhà 196 đường T, Thị xã Q có nội dung là ra lệnh quản lý toàn bộ nhà số 196 theo diện nhà vắng chủ do người thừa kế quản lý không hợp pháp. Quyết định số 748/UB/QĐ ngày 15/11/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là UBND tỉnh Bình Định) có nội dung là cho phép cụ Nguyễn H6 (cha bà Đ) được di chuyển một số vật dụng gia đình ở nhà số 196 sang nhà số 255 đường T (gồm 35 thứ, có danh sách kèm theo), đối với 26 mặt hàng (có danh sách kèm theo) cụ Nguyễn H6 đã khai với Ban kiểm kê tài sản của Thị xã ngày 04/10/1976 và Giấy cam đoan ngày 29/10/1976 do ông mua của ông Lâm Hồng D1 ngày 01/8/1975 nhà nước tạm thời quản lý.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số

519, Quyết định số 748 và yêu cầu xem xét hành vi hành chính của UBND tỉnh Bình Định trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà Đ mà không thực hiện đúng chính sách của nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định thuộc trường hợp khởi kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan đến thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991.

Căn cứ quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 thì: *“Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”*.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Bà về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 519, Quyết định số QĐ 748 và yêu cầu xem xét hành vi hành chính của UBND tỉnh Bình Định trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà mà không thực hiện đúng chính sách của nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 1499/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:

- Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của QĐ 1499:

+ Về hình thức: Căn cứ quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hình thức văn bản của QĐ 1499 được ban hành đúng quy định.

+ Về nội dung:

Theo điểm b Điều 2 Quyết định số 519 đã nêu: *“Những tài sản động sản và vật tư hàng hóa tự khai là do ông H6, bà Đ mua nhưng không có chứng từ, hóa đơn hợp lệ đều là của ông Lâm Hồng D1 (Hiệu buôn CH) kiểm kê toàn bộ, lập biên bản và tập trung lại một chỗ trong nhà, niêm phong giao cho cơ quan tài chính quản lý, chờ quyết định xử lý sau”*. Tại Điều 2 QĐ số 748, nêu: *“Hai mươi sáu (26) mặt hàng có danh sách kèm theo ông Nguyễn H6 đã khai với ban kiểm kê tài sản ngày 04/10/1976 và giấy cam đoan của ông ngày 25/10/1976 do ông mua*

của ông Lâm Hồng D1 ngày 01/8/1975 nhà nước tạm thời quản lý sẽ giải quyết sau”.

Trong quá trình làm việc, bà Đ thống nhất mức hỗ trợ giá trị tài sản (gồm 26 mặt hàng) theo QĐ 748 là 67.990.000 đồng; ngoài ra, bà Đ có yêu cầu trả lại tài sản do nhà nước quản lý năm 1976 khi gia đình bà di chuyển sang nhà 255 đường T nhưng bà Đ không cung cấp được chứng từ, hóa đơn và các loại giấy tờ chứng minh mình là chủ sở hữu các mặt hàng do Nhà nước tạm thời quản lý năm 1976.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước và Thông báo số 118/TB-VPCP ngày 23/3/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình thì nội dung quyết định số 1499 được ban hành đúng quy định.

- Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành QĐ 1499:

+ Về thẩm quyền ban hành: QĐ 1499 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 thì ông Phan Cao Th - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) ký ban hành quyết định nói trên là phù hợp với quy định.

+ Về trình tự, thủ tục ban hành: Trình tự, thủ tục ban hành quyết định số 1499 là phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

+ Về thời hiệu, thời hạn ban hành Quyết định số 1499:

Về thời hiệu và thời hạn ban hành QĐ 1499 là phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Do vậy, Quyết định hành chính số 1499/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới, khác làm căn cứ thay đổi các nội dung của các Quyết định trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Giữ

nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị này là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bị bác đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Căn cứ: Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 519/UB/QĐ ngày 27/9/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định); Quyết định số 748/UB/QĐ ngày 15/11/1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định); Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và xem xét hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trong việc thu hồi nhà đất của gia đình bà mà không thực hiện đúng

chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 24/2/2020.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long